

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TUY HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 47/2022/HNGĐ-ST
Ngày 30-5-2022
V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TUY HÒA - TỈNH PHÚ YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Vân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Nghĩa và ông Nguyễn Tấn Phát.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Phụng Kiều – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tuy Hòa tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hưng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 01 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Lê Thị Hồng Ch, sinh năm 1990; Địa chỉ: đường số 3, Phường P, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Phạm Phú T, sinh năm 1991; Địa chỉ: đường số 5, phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên. Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải và đơn xin xét xử vắng mặt, nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch trình bày: Nguyên đơn và bị đơn anh Phạm Phú T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2011, ngày 29 tháng 8 năm 2011. Sau khi cưới nhau về sống hạnh phúc đến năm 2013 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, cảm thấy không hạnh phúc nên vào năm 2014, nguyên đơn đã nộp đơn

ly hôn với bị đơn, sau đó vì con nên nguyên đơn quay về chung sống với bị đơn nhưng từ đó cho đến nay, vợ chồng vẫn không có hạnh phúc. Hiện vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay, không ai còn quan tâm và chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên nguyên đơn yêu cầu được giải quyết ly hôn với bị đơn.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Phạm Đồng T1, sinh ngày 29/8/2008 (hiện đang ở với nguyên đơn). Ly hôn, nguyên đơn xin nhận nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bị đơn phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn anh Phạm Phú T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch có đơn xin xét xử vắng mặt, giữ nguyên ý kiến trình bày. Bị đơn anh Phạm Phú T vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn. Về con chung: Giao một con chung tên Phạm Đồng T1, sinh ngày 29/8/2008 (hiện đang ở với nguyên đơn) cho nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn anh Phạm Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Về nợ chung: Không có nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch xin ly hôn với bị đơn anh Phạm Phú T là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn cư trú tại thành phố T nên thuộc thẩm quyền giải

quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Phú Yên theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

[1.2] Về giải quyết vắng mặt của đương sự: Tòa án nhân dân thành phố Tuy Hòa đã tiến hành triệu tập hợp lệ bị đơn đề hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch và bị đơn anh Phạm Phú T tự nguyện tìm hiểu và kết hôn vào năm 2011, được Ủy ban nhân dân phường L, thành phố T, tỉnh Phú Yên cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 71, quyển số 01/2011, ngày 29 tháng 8 năm 2011 là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, phát sinh những mâu thuẫn như nguyên đơn trình bày. Xét thấy, mâu thuẫn giữa các đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch được ly hôn với bị đơn anh Phạm Phú T.

[2.2] Về con chung: Giao một con chung tên Phạm Đồng T1, sinh ngày 29/8/2008 (hiện đang ở với chị Ch) cho nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch trực tiếp nuôi dưỡng, bị đơn anh Phạm Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch được ly hôn với bị đơn anh Phạm Phú T.

Về con chung: Giao một con chung tên Phạm Đồng T1, sinh ngày 29/8/2008 (hiện đang ở với chị Ch) cho nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch trực tiếp nuôi dưỡng. Bị đơn anh Phạm Phú T không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết nên không xét.

Về án phí HNGĐ-ST: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Nguyên đơn chị Lê Thị Hồng Ch phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà nguyên đơn đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004977 ngày 13 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố T, tỉnh Phú Yên.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh P;
- VKSND TP. T;
- Chi cục THADS TP. T;
- UBND phường L, TP. T, tỉnh Phú Yên;
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Vân

